

Số: 84A /QĐ-THVTS

Quận 7, ngày 10 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng năm 2024
của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng năm 2024 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Võ Thị Sáu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng, bảng tin của trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Phong

Quận 7, ngày 10 tháng 07 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường tiểu học Võ Thị Sáu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

Dvt: Ngân đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi	-	3.084.607	1	2
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	28.604.595	15.973.142	0	1
1	Thu sự nghiệp:	13.662.426	9.021.616		
1.1	Học phí 2 buổi	111.412	132.503	119%	2%
1.2	Tổ chức PVBT	2.721.600	1.903.676	70%	32%
1.3	TATC	464.100	379.465	82%	6%
1.4	Tin học	504.475	274.900	54%	5%
1.5	Thiết bị VDBT	283.500	300	0%	0%
1.6	TABN	1.034.025	646.616	63%	11%
1.7	Bơi	196.350	132.042	67%	2%
1.8	Kỹ năng sống	1.095.964	851.920	78%	14%
1.9	TA tích hợp	2.916.000	1.886.004	65%	31%
1.10	TA Toán - Khoa	1.615.000	880.840	55%	15%
1.11	Ngoại khóa	2.210.000	1.420.200	64%	24%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.12	Tin học quốc tế	510.000	513.150	101%	9%
2	Thu hộ:	14.942.169	6.951.526	47%	115%
2.1	Tiền ăn BT	10.387.550	6.518.715	63%	108%
2.2	Nước uống BT	252.450	157.522	62%	3%
2.3	Đề kiểm tra	106.450	100	0%	0%
2.4	CSCKBĐ	90.000	3.339	4%	0%
2.5	Điện	694.160	269.832	39%	4%
2.6	Hoa hồng BHYT	31.524	-	0%	0%
2.7	BHYT HS	1.751.350	1.928	0%	0%
2.8	SLL điện tử	1.628.685	90	0%	0%
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	28.604.595	12.888.535		214%
I	Chi sự nghiệp:	13.662.426	5.924.278	43%	98%
1.1	Học phí 2 buổi	111.412	115.278	103%	2%
1.2	Tổ chức PVB	2.721.600	1.648.686	61%	27%
1.3	TATC	464.100	139.720	30%	2%
1.4	Tin học	504.475	70.962	14%	1%
1.5	Thiết bị VDBT	283.500	176.479	62%	3%
1.6	TABN	1.034.025	549.624	53%	9%
1.7	Bơi	196.350	129.311	66%	2%
1.8	Kỹ năng sống	1.095.964	748.718	68%	12%
1.9	TA tích hợp	2.916.000	550.336	19%	9%
1.10	TA Toán - Khoa	1.615.000	749.530	46%	12%
1.11	Ngoại khóa	2.210.000	866.795	39%	14%
1.12	Tin học quốc tế	510.000	178.839	35%	3%
2	Chi hộ:	14.942.169	6.964.257	47%	116%
2.1	Tiền ăn BT	10.387.550	6.191.817	60%	103%
2.2	Nước uống BT	252.450	278.954	110%	5%
2.3	Đề kiểm tra	106.450	104.000	98%	2%
2.4	CSCKBĐ	90.000	2.390	3%	0%
2.5	Điện	694.160	362.148	52%	6%
2.6	Hoa hồng BHYT	31.524	-	0%	0%
2.7	BHYT HS	1.751.350	24.948	1%	0%
2.8	SLL điện tử	1.628.685	-	0%	0%
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				0%
I	Nguồn ngân sách trong nước				0%
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	16.776.000	6.232.713	-	103%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.088.000	4.485.805		74%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	734.000	27.216		0%
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	5.954.000	1.719.692		29%
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	-	-		



Thủ trưởng đơn vị

Phan Thanh Phong